

## Áp lực TPDN đáo hạn tăng mạnh trong Q2/26

- Quy mô phát hành TPDN trong tháng 4 đạt 51.7 nghìn tỷ đồng (+60% so với T3, +6% svck). Lũy kế 4T2026, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 93.3 nghìn tỷ đồng (+26.3% svck).
- Ước tính sẽ có khoảng 58.5 nghìn tỷ TPDN đáo hạn trong Q2, tăng 140% svck và gấp 3.3 lần so với Q1/26.
- Lợi suất TPCP kỳ hạn 10N tiếp tục duy trì xu hướng tăng, hiện ở mức 4.24%/năm.

### Trái phiếu Doanh nghiệp

#### Phát hành TPDN tăng tốc trong tháng 4, nhóm BĐS tiếp tục dẫn dắt

Hoạt động phát hành TPDN trong tháng 4 duy trì tích cực với tổng giá trị phát hành đạt khoảng 51.7 nghìn tỷ đồng, tăng 60% so với tháng trước và tăng 6% svck. Dẫn dắt thị trường tiếp tục là nhóm Bất động sản với tỷ trọng 58.7% tổng giá trị phát hành, tương đương 30.4 nghìn tỷ đồng (+110.8% svck), mức cao nhất trong 6 tháng qua. Các DN có tổng giá trị phát hành cao trong tháng bao gồm: Tập đoàn Vingroup (9.2 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 60 tháng, lãi suất 5.5%), CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Minh An (7.5 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 12 - 30 tháng, lãi suất 10% - 10.5%), CTCP Vinhomes (6 nghìn tỷ, kỳ hạn 30 tháng, lãi suất 12.5%). Trong khi đó, nhóm Ngân hàng đứng thứ hai với quy mô phát hành đạt 18.1 nghìn tỷ đồng, chiếm 35.1% tổng giá trị phát hành trong tháng.

Về phương thức phát hành, phát hành riêng lẻ tiếp tục áp đảo với tỷ trọng lên tới 97.1% giá trị phát hành trong nước, tương đương 41.3 nghìn tỷ đồng.

Trên thị trường quốc tế, Tập đoàn Vingroup đã phát hành thành công lô trái phiếu trị giá 350 triệu USD, mệnh giá 200,000 USD/trái phiếu, kỳ hạn 5 năm.

**Lũy kế từ đầu năm**, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 93.3 nghìn tỷ đồng, tăng 26.3% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong năm 4T2026 ước đạt khoảng 8.6%, cao hơn so với mức 7.3% của năm 2025.

**Bất động sản** là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất với 54.4 nghìn tỷ đồng (+278% svck), chiếm tỷ trọng 58.3%. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 8.7%, kỳ hạn bình quân 4.3 năm. Các doanh nghiệp có giá trị phát hành lớn nhất từ đầu năm đến nay gồm có: Công ty TNHH Đầu tư Marina Center (10.2 nghìn tỷ đồng), Tập đoàn Vingroup (9.2 nghìn tỷ đồng) và CTCP Thời Đại Mới T&T (8 nghìn tỷ đồng).

Nhóm **Ngân hàng** chiếm tỷ trọng 28.6% với tổng giá trị phát hành đạt 29.6 nghìn tỷ đồng. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 8.2%/năm, kỳ hạn bình quân gần 4.9 năm. Các ngân hàng có giá trị phát hành lớn nhất gồm có: TCB (8 nghìn tỷ đồng), HDB (4.7 nghìn tỷ đồng) và BID (3.3 nghìn tỷ đồng).

#### Ước khoảng 58.5 nghìn tỷ đồng TPDN đáo hạn trong Q2/26

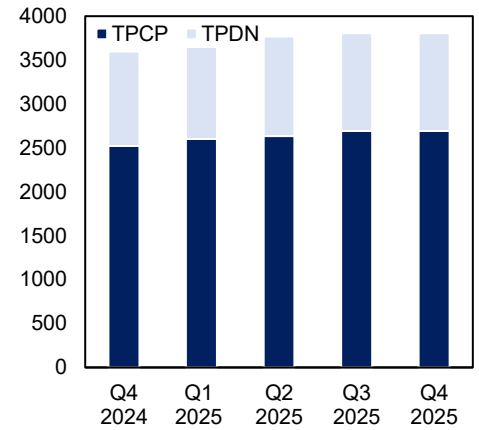
Chúng tôi ước tính khoảng 58.5 nghìn tỷ đồng TPDN đáo hạn trong Q2/26, tăng 140% svck và gấp 3.3 lần so với Q1/26. Trong 2 tháng còn lại của Q2, áp lực đáo hạn vẫn còn khoảng 30.5 nghìn tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở nhóm Bất động sản với khoảng 75.6%, tương đương 23 nghìn tỷ đồng.

Về tình hình chậm trả, tháng 4 ghi nhận 4 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi với giá trị chậm trả gần 2.9 nghìn tỷ đồng. Lũy kế đến hết tháng 4, tổng giá trị trái phiếu đang chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán ước đạt khoảng 31.5 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 2.3% dư nợ TPDN toàn thị trường.

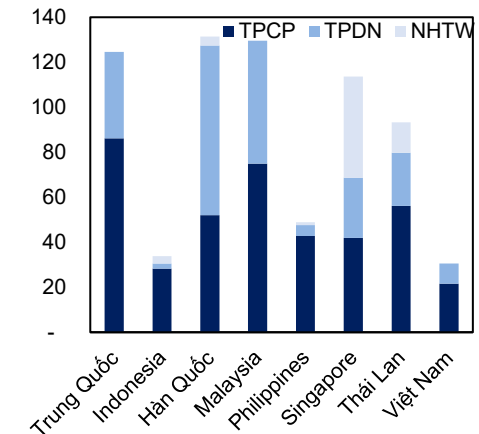
#### Hoạt động mua lại TPDN trước hạn sôi động trong tháng 4

Giá trị TPDN mua lại trước hạn trong tháng 4 đạt khoảng 29.6 nghìn tỷ đồng, (+145% svck). Nhóm Ngân hàng chiếm 90.3% với trị giá mua lại khoảng 26.8 nghìn tỷ đồng, trong đó khoảng một nửa đến từ các đợt mua lại của TCB. Lũy kế 4T2026, khoảng 41.9 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+5.7% svck), với đóng góp chủ yếu đến từ giá trị mua lại của nhóm Ngân hàng (chiếm 68% giá trị mua lại, +172% svck).

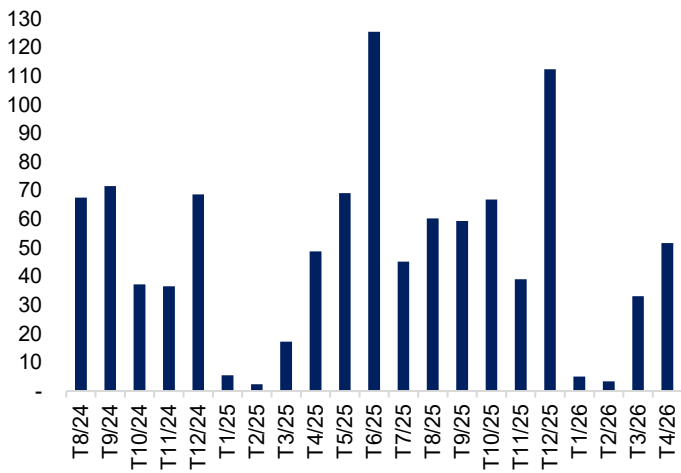
Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (Nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q4 2025)

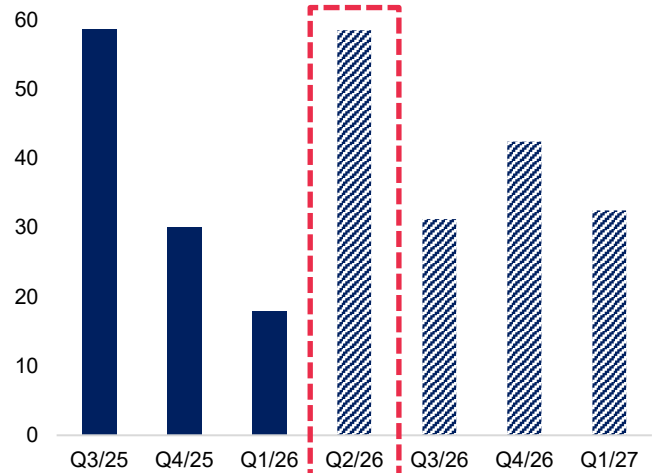


Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 10/05)



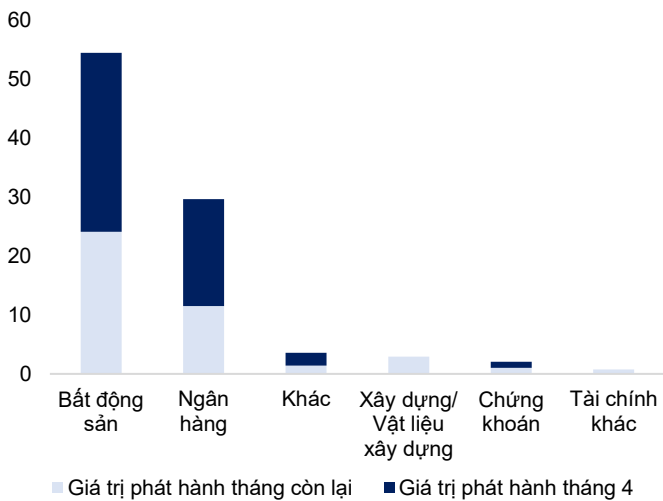
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



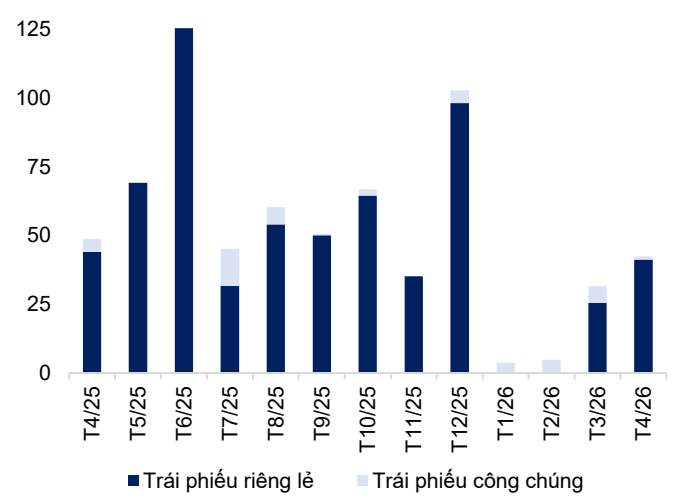
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ đầu năm 2026 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



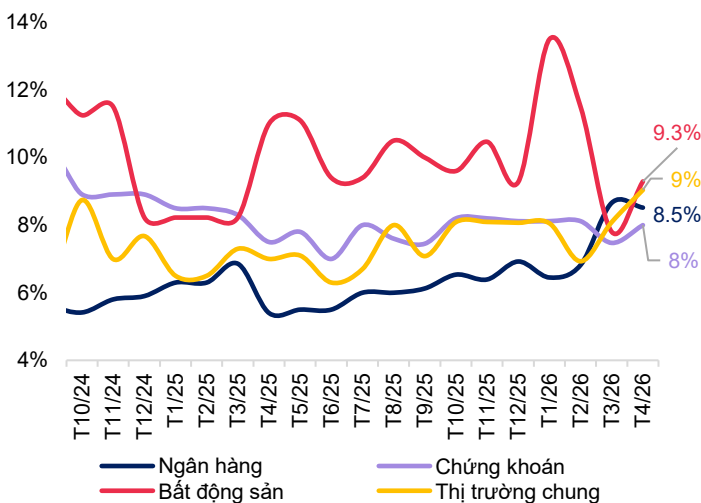
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Cơ cấu phát hành TPDN theo hình thức (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



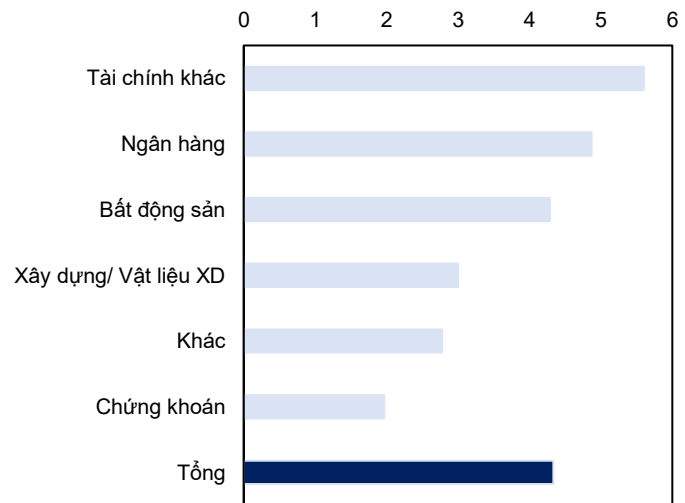
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Lãi suất bình quân tháng của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



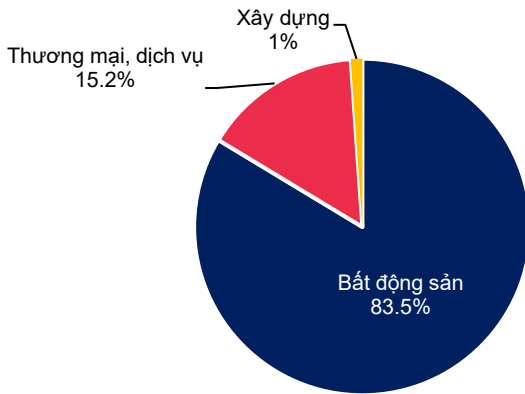
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2026 theo nhóm ngành (năm)



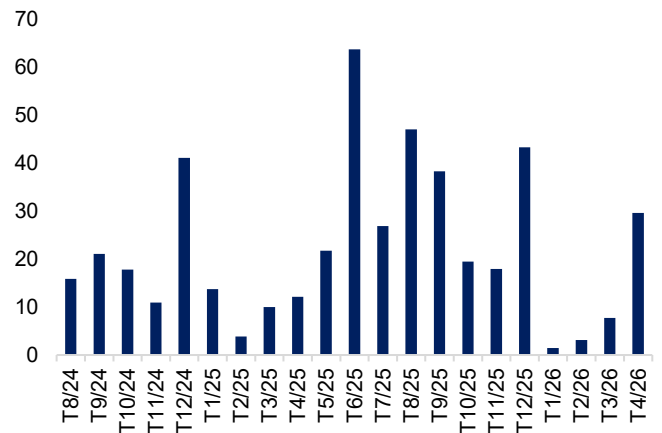
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 31.5 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng) (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 10/05)



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

## Trái Phiếu Chính Phủ

### Thị trường sơ cấp

*KBNN huy động 45,455 tỷ đồng TPCP trong kỳ - mức cao nhất kể từ đầu năm với lợi suất trúng thầu tiếp tục tăng*

Trong tháng 4, KBNN tổ chức 20 đợt đấu thầu TPCP với tổng giá trị gọi thầu đạt 81 nghìn tỷ đồng. Kết quả, có gần 45.5 nghìn tỷ đồng được huy động thành công, tăng 132% so với tháng 3 và là lượng trúng thầu cao nhất từ đầu năm tới nay. Kỳ hạn phát hành chủ yếu tập trung vào kỳ hạn 10N với tỷ trọng 91.7% tổng khối lượng trái phiếu phát hành, tương đương 41.6 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 4 tháng đầu năm, tổng khối lượng phát hành TPCP đạt 125.5 tỷ đồng (-17.9% svck), hoàn thành 25.1% kế hoạch phát hành cả năm 2026. Trong đó, giá trị TPCP phát hành trong tháng 4 đạt 41.3% kế hoạch Q2.

Trong tháng 4, lợi suất trúng thầu của các kỳ hạn 5 - 30 năm tăng từ 5 đến 26 điểm cơ bản so với tháng 3. Cụ thể, lợi suất trúng thầu tại phiên đấu thầu cuối tháng 3 của các kỳ hạn 5 năm, 10 năm, 15 năm và 30 năm lần lượt là 3.86%, 4.16%, 4.25% và 4.45%/năm.

Hình 8: Kết quả phát hành TPCP Q2/2026 (Tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN Q2	KBNN đã phát hành Q2	% Kế hoạch KBNN Q2
3 Năm	2,000	0	0%
5 Năm	20,000	2,565	13%
7 Năm	2,000	0	0%
10 Năm	68,000	41,660	61%
15 Năm	14,000	1,200	9%
20 Năm	2,000	0	0%
30 Năm	2,000	30	2%
<b>Tổng</b>	<b>110,000</b>	<b>45,455</b>	<b>41.3%</b>

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/04/2026

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

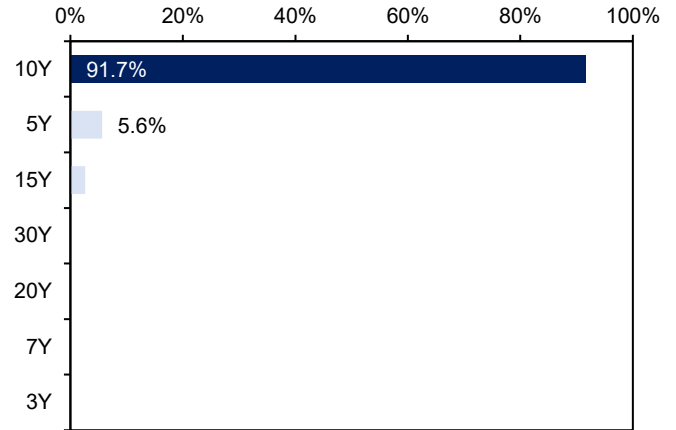
Hình 9: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T4/2026 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3Y				
5Y	5,500	2,565	47%	3.7% - 3.86%
7Y				
10Y	68,000	41,660	61%	4.12% - 4.16%
15Y	5,000	1,200	24%	4.23% - 4.25%
20Y	1,000	0	0%	
30Y	1,500	30	2%	4.45%
<b>Tổng</b>	<b>81,000</b>	<b>45,455</b>	<b>56%</b>	<b>Đơn vị: tỷ đồng</b>

\*Tính đến thời điểm 30/04/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

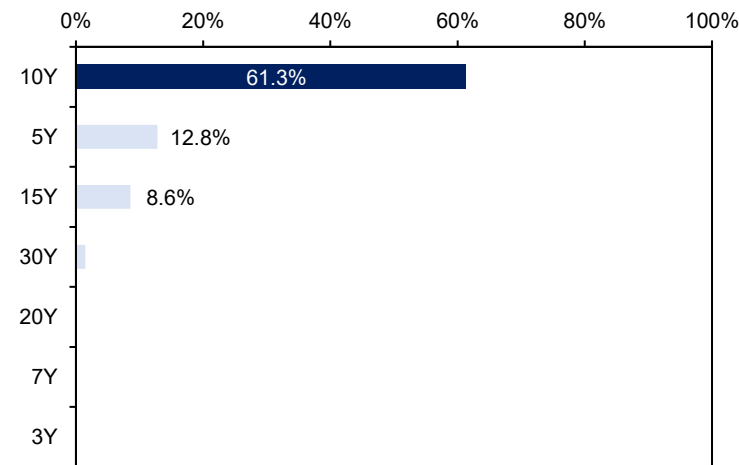
Hình 10: Tỷ trọng TPCP phát hành T4/2026



\*Tính đến thời điểm 30/04/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

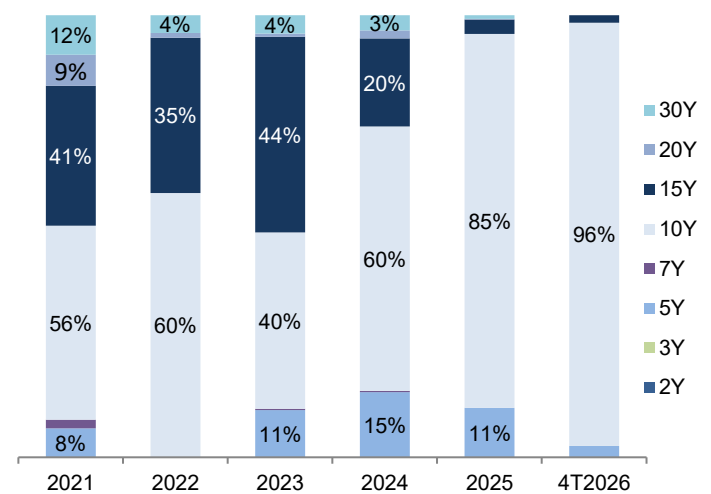
Hình 11: Tỷ lệ trúng thầu TPCP T4 so với kế hoạch Q2/2026



\*Tính đến thời điểm 30/04/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 12: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 30/04/2026

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	30/12/2025*
Mỹ	4.37	7.0	5.4	26.0
EU	3.04	4.3	3.3	18.2
Nhật Bản	2.53	8.6	17.1	45.9
Trung Quốc	1.75	-0.6	-6.4	-10.2
Hàn Quốc	3.92	10.0	3.8	53.0
Ấn Độ	7.02	7.8	-2.0	44.3
Malaysia	3.57	0.7	-5.9	5.0
Singapore	2.13	2.6	-15.3	-5.3
Indonesia	6.85	7.2	-0.2	77.6
Philippines	5.24	6.6	-13.3	45.9
Thái Lan	2.28	4.2	-8.4	56.1
<b>Việt Nam</b>	<b>4.24</b>	<b>0.3</b>	<b>2.3</b>	<b>19.6</b>

\* Số điểm cơ bản thay đổi so với thời điểm chốt dữ liệu

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

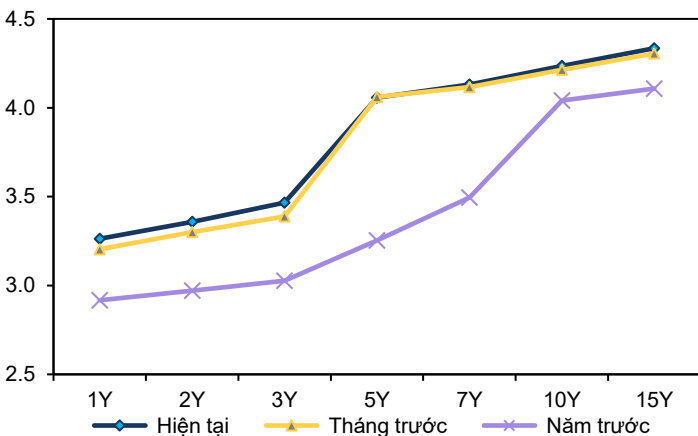
### Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP tăng nhẹ trong tháng tại tất cả các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp giảm 7.2% so với tháng trước. NĐTNN bán ròng 10.5 tỷ đồng TPCP trong tháng 4.

Lợi suất kỳ hạn 10N vẫn duy trì xu hướng tăng trong suốt tháng 4, dù biên độ thu hẹp đáng kể so với tháng 3. Đến cuối tháng, lợi suất kỳ hạn 10N neo ở mức 4.24%/năm (+2 điểm cơ bản so với cuối tháng trước). Trong khi đó, lợi suất kỳ hạn 2N đến cuối tháng 4 cũng tăng 6 điểm cơ bản so với cuối tháng trước, lên mức 3.36%/năm.

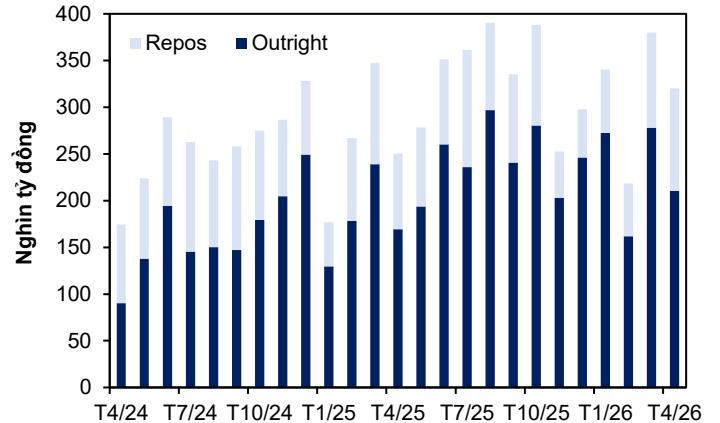
Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường TPCP thứ cấp đạt 16 nghìn tỷ đồng (-7.2% so với T3). Trong đó, giao dịch Outright chiếm 65.8% khối lượng trong kỳ, tương đương 210.7 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch gần 10.5 nghìn tỷ đồng/ngày, giảm 16.7% so với bình quân tháng trước. Ngược lại, giá trị giao dịch Repos bình quân tăng 18.7% so với tháng trước, đạt khoảng 5.5 nghìn tỷ đồng/ngày. Trong tháng 4, nhà đầu tư nước ngoài đảo chiều bán ròng 10.5 tỷ đồng, qua đó đưa lượng bán ròng của khối ngoại kể từ đầu năm 2026 lên mức 2.96 nghìn tỷ đồng.

Hình 14: Lợi suất TPCP (%)



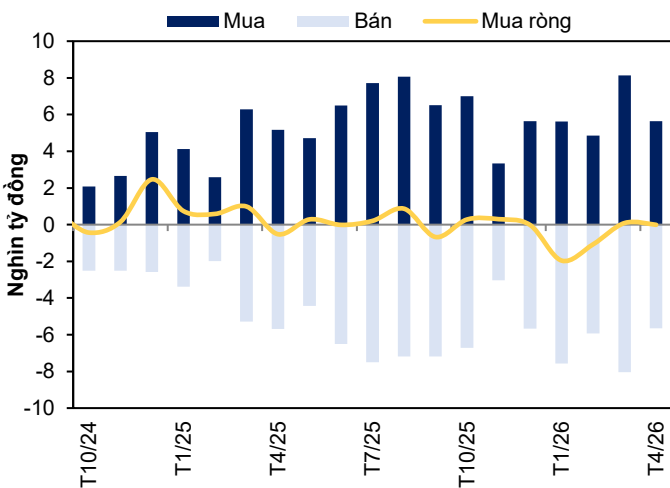
Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/04 | Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 15: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



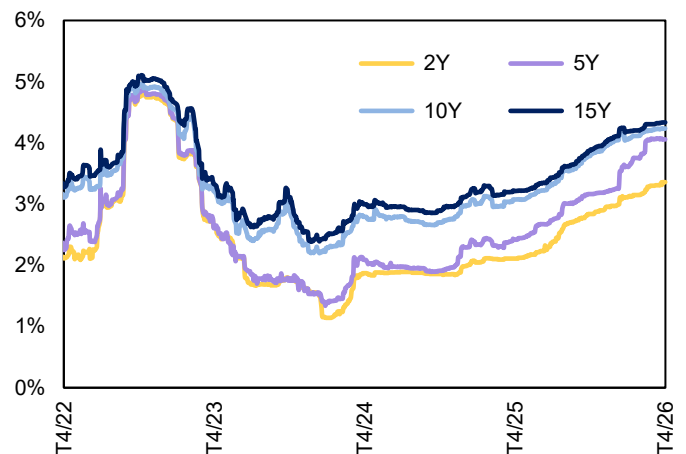
Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/04 | Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 16: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/04 | Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 17: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/04 | Nguồn: HNX, MBS Research

**Phụ lục**

**Hình 18: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2026**

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Công ty TNHH Đầu tư Marina Center	10	10,196	4.0%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	5	9,217	5.5%
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	3	8,000	8.5% - 8.9%
CTCP Thời Đại Mới T&T	4	8,000	10.5%
CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Minh An	1 - 2.5	7,500	10.0% - 10.5%
CTCP Vinhomes	2.5	6,000	12.5%
CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Tam Tài Lộc	1	5,700	10.0%
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	1 - 2	5,600	11.0%
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	7 - 8	4,695	8.73% - 8.93%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7 - 10	3,301	6.8% - 6.85%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

**Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2026**

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	5	190	13.5%
CTCP Vinhomes	2.5	6,000	12.5%
CTCP Bất động sản Bcons PS	4	276	11.5%
CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	3	150	11.5%
CTCP Thiên Phúc Invest	3	80	11.5%
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	1 - 2	5,600	11.0%
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản An Gia Hưng	3	1,065	11.0%
CTCP Thời Đại Mới T&T	4	8,000	10.5%
CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Minh An	1 - 2.5	7,500	10.0% - 10.50%
CTCP Hoàng Anh Gia Lai	3	2,000	10.5%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

**Hình 20: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 3 và tháng 4**

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	03/2026	70	8.5%	12
MBS	CTCP Chứng khoán MB	03/2026	970	7.4%	24
	Công ty TNHH Đầu tư Marina Center	03/2026	10,196	4.0%	120
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	03/2026	2,282	8.73%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	03/2026	2,412	8.93%	96
EVF	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	03/2026	450	8.5%	96
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển bất động sản Phát Đạt	03/2026	2,000	11.0%	24
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển bất động sản Phát Đạt	03/2026	3,600	11.0%	12
TMS	CTCP Transimex	03/2026	400	7.0%	24
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	03/2026	1,002	7.9%	96
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	03/2026	15	7.7%	84
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	03/2026	0.1	8.1%	120
	CTCP Thời Đại Mới T&T	03/2026	8,000	10.5%	48
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	03/2026	250	8.5%	84
	Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Phú Quốc	03/2026	1,500	10.5%	36
TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ thương	04/2026	1,000	8.0%	24
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	04/2026	1,000	8.0%	36

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
VHM	CTCP Vinhomes	04/2026	6,000	12.5%	30
NAB	Ngân hàng TMCP Cổ phần Nam Á	04/2026	400	8.5%	84
	CTCP Bất động sản Bcons PS	04/2026	276	11.5%	48
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	04/2026	9,217	5.5%	60
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	04/2026	2,000	8.4%	24
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	04/2026	500	8.0%	84
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	04/2026	2,000	8.4%	36
	CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Tam Tài Lộc	04/2026	5,700	10.0%	12
VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	04/2026	100	9.0%	84
	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản An Gia Hưng	04/2026	1,065	11.0%	36
VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	04/2026	150	11.5%	36
	Công ty TNHH Hoá chất Hyosung Vina	04/2026	200	9.0%	12
	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Minh An	04/2026	6,200	10.5%	30
	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Minh An	04/2026	1,300	10.0%	12
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	04/2026	500	8.5%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	04/2026	2,000	8.6%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	04/2026	2,500	8.7%	36
	Công ty TNHH Thăng Long	04/2026	459	10.39%	60
NAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	04/2026	1,000	8.0%	24
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	04/2026	3,000	8.9%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	04/2026	1,900	8.6%	36
KLB	Ngân hàng TMCP Kiên Long	04/2026	223	7.3%	84
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	04/2026	1,000	8.6%	36
HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	04/2026	2,000	10.5%	36

Nguồn: HNX, MBS Research

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

### Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

### Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

**Giám đốc Khối Nghiên cứu**  
*Trần Thị Khánh Hiền*

**Trưởng phòng**  
*Nguyễn Tiến Dũng*